

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BIÊN HÒA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2024

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Song Toàn	Chủ tịch
Ông Lê Hữu Phước	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Cường	Thành viên
Ông Võ Văn Chúng	Thành viên
Ông Văn Viết Tuấn	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Phước Hiệp	Trưởng Ban
Bà Lê Thị Như Ái	Thành viên
Ông Vũ Tiến Dũng	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Lê Hữu Phước	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty là Bà Nguyễn Thị Vi Minh.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)


- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc, 



Lê Hữu Phước
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 28 tháng 02 năm 2025, từ trang 06 đến trang 35 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Minh Long
Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0666-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2025

Nguyễn Minh Thắng
Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 4421-2023-112-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		59.242.561.115	69.563.711.510
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	2.527.108.768	5.125.291.709
Tiền	111		2.527.108.768	5.125.291.709
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	52.400.000.000	59.500.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6.1	52.400.000.000	59.500.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.382.140.782	4.000.175.080
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	6.507.246.863	5.834.065.123
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	358.297.165	1.247.778.525
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	1.502.411.877	1.773.146.555
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(4.985.815.123)	(4.854.815.123)
Hàng tồn kho	140	11	357.241.078	425.826.625
Hàng tồn kho	141		2.752.801.965	2.825.081.766
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.395.560.887)	(2.399.255.141)
Tài sản ngắn hạn khác	150		576.070.487	512.418.096
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	-	275.000.000
Thuế GTGT được khấu trừ	152		356.883.852	237.418.096
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	219.186.635	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		11.083.047.680	8.292.855.957
Các khoản phải thu dài hạn	210		15.500.000	15.500.000
Phải thu dài hạn khác	216	9	15.500.000	15.500.000
Tài sản cố định	220		534.392.502	876.602.974
Tài sản cố định hữu hình	221	12	491.782.477	832.717.829
- Nguyên giá	222		11.803.838.547	11.803.838.547
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.312.056.070)	(10.971.120.718)
Tài sản cố định vô hình	227	13	42.610.025	43.885.145
- Nguyên giá	228		840.456.001	840.456.001
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(797.845.976)	(796.570.856)
Bất động sản đầu tư	230	14	9.176.098.307	6.335.438.353
- Nguyên giá	231		22.403.976.639	19.031.531.639
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(13.227.878.332)	(12.696.093.286)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6.2	-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.178.000.000	1.178.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.178.000.000)	(1.178.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		1.357.056.871	1.065.314.630
Chi phí trả trước dài hạn	261	5	1.357.056.871	1.065.314.630
TỔNG TÀI SẢN	270		70.325.608.795	77.856.567.467

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		7.155.766.643	13.482.306.399
Nợ ngắn hạn	310		1.682.506.643	6.327.289.603
Phải trả người bán ngắn hạn	311		-	10.000.000
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	102.204.400	178.757.582
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	272.146.647	1.054.867.420
Phải trả người lao động	314		11.547.900	411.182.900
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	294.042.337	672.042.337
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	653.117.500	3.704.407.500
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		349.447.859	296.031.864
Nợ dài hạn	330		5.473.260.000	7.155.016.796
Chi phí phải trả dài hạn	333	17	-	3.497.356.796
Phải trả dài hạn khác	337	18	5.473.260.000	3.657.660.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		63.169.842.152	64.374.261.068
Vốn chủ sở hữu	410	19	63.169.842.152	64.374.261.068
Vốn góp của chủ sở hữu	411		60.000.000.000	60.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		60.000.000.000	60.000.000.000
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		52.195.500	52.195.500
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.117.646.652	4.322.065.568
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		572.065.568	782.685.691
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		2.545.581.084	3.539.379.877
TỔNG NGUỒN VỐN	440		70.325.608.795	77.856.567.467

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Lâm Thị Hồng Loan

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Vi Minh

Tổng Giám đốc

Lê Hữu Phước

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	12.169.049.704	23.046.990.694
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		12.169.049.704	23.046.990.694
Giá vốn hàng bán	11	22	4.411.684.656	8.136.236.470
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.757.365.048	14.910.754.224
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	2.487.408.619	3.779.820.050
Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	25	24	717.142.095	946.777.153
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	9.835.580.058	9.492.978.003
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(307.948.486)	8.250.819.118
Thu nhập khác	31	25	3.270.590.963	300
Chi phí khác	32	26	212.721.421	10.462.177
Lợi nhuận khác	40		3.057.869.542	(10.461.877)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.749.921.056	8.240.357.241
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	204.339.972	1.700.977.364
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.545.581.084	6.539.379.877
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	424	932
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	30	424	932

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Lâm Thị Hồng Loan

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Vi Minh

Tổng Giám đốc

Lê Hữu Phước

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		15.009.786.283	24.928.423.653
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(10.440.088.513)	(8.357.873.297)
Tiền chi trả cho người lao động	3		(4.311.775.000)	(5.075.203.000)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5		(836.672.062)	(1.750.853.400)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		4.359.463.592	43.601.359
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(9.535.446.470)	(9.208.052.255)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(5.754.732.170)	580.043.060
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(124.450.000.000)	(87.700.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		131.550.000.000	89.600.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.962.835.629	3.487.791.559
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		9.062.835.629	5.387.791.559
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.910.023.500)	(3.080.898.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5.910.023.500)	(3.080.898.500)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(2.601.920.041)	2.886.936.119
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	5.125.291.709	2.236.422.990
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		3.737.100	1.932.600
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	2.527.108.768	5.125.291.709

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Lâm Thị Hồng Loan

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Vi Minh

Tổng Giám đốc

Lê Hữu Phước

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa (sau đây gọi là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002784 ngày 21 tháng 10 năm 2004 và chứng nhận đăng ký kinh doanh & đăng ký thuế số 3600254548 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 14 tháng 07 năm 2020. Công ty được chuyển thể từ DNNN Công ty Điện tử Biên Hòa, ĐKKD số 102722 do Trọng tài Kinh tế TP.HCM cấp ngày 31/5/1993.

Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa có trụ sở chính đặt tại: 52-54 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM. Và các chi nhánh:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa tại Hà Nội. Địa chỉ: 178 Phố Bà Triệu, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Tp.Hà Nội.

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa – Trung tâm Thương Mại và Dịch vụ. Địa chỉ: 97 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp. HCM.

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa – Nhà máy sản xuất tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1. Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Tp.Biên Hòa, Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký kinh doanh là 60.000.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 60.000.000.000 VND; tương đương 6.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

1.2 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký của công ty bao gồm:

- Sản xuất, bảo hành, kinh doanh sản phẩm điện, điện tử và tin học;
- Dịch vụ cho thuê nhà, văn phòng, cửa hàng, cửa hiệu, nhà hàng, siêu thị, kho hàng, bến bãi cho các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài;
- Các dịch vụ sửa chữa, lắp đặt, bảo hành, bảo trì các sản phẩm điện, điện tử, tin học;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông, bán lẻ thiết bị bưu chính viễn thông...

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.4 CẤU TRÚC CÔNG TY

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần Belco Hà Nội, tuy nhiên, mã số thuế Công ty này đã đóng tại ngày 19/04/2017. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty là 38%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán.

1.6 NHÂN VIÊN

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 29 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 40 nhân viên).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, trong việc lập Báo cáo tài chính.

2.3 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.4 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 NGOẠI TỆ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

3.3 NGOẠI TỆ (TIẾP)

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

3.4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)****3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết***Đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động và không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

3.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

3.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU (TIẾP)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.7 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có sự suy giảm giá trị (giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được). Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)****3.8 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)**

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
- Máy móc, thiết bị	03 - 10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

3.9 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế..

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm phần mềm máy vi tính, quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao như sau:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (50 năm).

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 2 năm.

3.10 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

3.10 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (TIẾP)

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Quyền sử dụng đất	50

3.11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định: Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 1 năm.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Các chi phí sửa chữa lớn được phân bổ không quá 03 năm kể từ thời điểm phát sinh chi phí.

3.12 CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

3.12 CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ (TIẾP)

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

3.13 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

3.14 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, danh sách danh sách cổ đông được chốt chính thức và được UBCK chấp thuận.

3.15 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hoá và doanh thu cung cấp dịch vụ.

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

3.15 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP (TIẾP)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

3.16 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế 8% đối với các hàng hóa, dịch vụ cung cấp trong kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2024.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

3.17 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Tiền mặt	279.125.823	1.882.524.472
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.247.982.945	3.242.767.237
Cộng	2.527.108.768	5.125.291.709

5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	-	275.000.000
- Dịch vụ tư vấn pháp luật	-	275.000.000
b) Dài hạn	1.357.056.871	1.065.314.630
- Công cụ, dụng cụ	14.672.607	54.134.072
- Dịch vụ tư vấn pháp luật	575.555.562	975.555.558
- Dịch vụ môi giới nhà đất	766.828.702	35.625.000
Cộng	1.357.056.871	1.340.314.630

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

6.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	52.400.000.000	52.400.000.000	59.500.000.000	59.500.000.000
+ Tiền gửi có kỳ hạn	52.400.000.000	52.400.000.000	59.500.000.000	59.500.000.000
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	52.400.000.000	52.400.000.000	59.500.000.000	59.500.000.000

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng và 12 tháng tại các ngân hàng: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) – CN TP Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank) – CN TP Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Tân Định (Vietcombank), lãi suất từ 4,1% đến 4,9%.

6.2 Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2024			01/01/2024		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	1.178.000.000	(1.178.000.000)	(*)	1.178.000.000	(1.178.000.000)	(*)
+ Công ty Cổ phần Belco Hà Nội	1.178.000.000	(1.178.000.000)	(*)	1.178.000.000	(1.178.000.000)	(*)
Cộng	1.178.000.000	(1.178.000.000)	(*)	1.178.000.000	(1.178.000.000)	(*)

Công ty hiện sở hữu 117.800 cổ phần của Công ty Cổ phần Belco Hà Nội, chiếm tỷ lệ 38%.

(*) Tại thời điểm 31/12/2024, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	6.507.246.863	(4.985.815.123)	5.834.065.123	(4.854.815.123)
- Công ty CP Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn	3.249.190.948	(3.249.190.948)	3.249.190.948	(3.249.190.948)
- Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Bạch Việt	747.000.000	(747.000.000)	747.000.000	(747.000.000)
- Công ty TNHH Thương Mại Thời Trang Hải Đăng	655.000.000	(458.500.000)	655.000.000	(327.500.000)
- Công ty TNHH CKK Việt Nam	442.790.577	(442.790.577)	442.790.577	(442.790.577)
- Công ty TNHH Hoàng Phúc Quốc tế	1.086.250.000	-	651.750.000	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	327.015.338	(88.333.598)	88.333.598	(88.333.598)
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	6.507.246.863	(4.985.815.123)	5.834.065.123	(4.854.815.123)

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	358.297.165	-	1.247.778.525	-
- Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức	209.417.165	-	209.417.165	-
- Công ty Cổ phần Công nghệ An ninh Viễn thông Thế hệ mới	-	-	570.371.760	-
- Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn Nam	-	-	450.489.600	-
- Đối tượng khác	148.880.000	-	17.500.000	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	358.297.165	-	1.247.778.525	-

c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 31.2

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	1.502.411.877	-	1.773.146.555	-
- Phải thu về cổ phần hóa ngắn hạn	46.417.500	-	66.912.500	-
- Phải thu người lao động về BHXH, BHYT	306.180	-	306.180	-
- Tạm ứng	562.000.000	-	-	-
- Hàng gửi trung bày	-	-	6.695.036	-
- Phải thu khác	2.567.376	-	1.829.002	-
- Phải thu lãi dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	521.120.821	-	1.327.403.837	-
- Các khoản chi hộ	370.000.000	-	370.000.000	-
b) Dài hạn	15.500.000	-	15.500.000	-
- Ký cược, ký quỹ	15.500.000	-	15.500.000	-
Cộng	1.517.911.877	-	1.788.646.555	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. NỢ XẤU

	31/12/2024			01/01/2024		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán						
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Bru chính Viễn thông Sài Gòn (SPT)	3.249.190.948	-	(3.249.190.948)	3.249.190.948	-	(3.249.190.948)
- Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Bạch Việt	747.000.000	-	(747.000.000)	747.000.000	-	(747.000.000)
- Công ty TNHH Thương Mại Thời Trang Hải Đăng	655.000.000	196.500.000	(458.500.000)	655.000.000	327.500.000	(327.500.000)
- Các đối tượng khác	531.124.175	-	(531.124.175)	531.124.175	-	(531.124.175)
Cộng	5.182.315.123	196.500.000	(4.985.815.123)	5.182.315.123	327.500.000	(4.854.815.123)

11. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	587.680.903	(558.677.141)	586.778.496	(558.677.141)
Công cụ, dụng cụ	76.878.678	(74.748.878)	76.878.678	(74.748.878)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	20.695.323	(20.695.324)	20.695.323	(20.695.324)
Thành phẩm	1.515.978.016	(1.259.661.989)	1.585.097.542	(1.259.879.229)
Hàng hóa	551.569.045	(481.777.555)	555.631.727	(485.254.569)
Cộng	2.752.801.965	(2.395.560.887)	2.825.081.766	(2.399.255.141)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2024	5.691.128.880	3.134.263.483	2.938.355.275	40.090.909	11.803.838.547
31/12/2024	5.691.128.880	3.134.263.483	2.938.355.275	40.090.909	11.803.838.547
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2024	(5.691.128.880)	(2.874.221.268)	(2.365.679.661)	(40.090.909)	(10.971.120.718)
- Khấu hao trong năm	-	(148.595.532)	(192.339.820)	-	(340.935.352)
31/12/2024	(5.691.128.880)	(3.022.816.800)	(2.558.019.481)	(40.090.909)	(11.312.056.070)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2024	-	260.042.215	572.675.614	-	832.717.829
31/12/2024	-	111.446.683	380.335.794	-	491.782.477

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 9.303.654.374 đồng, tại ngày 01/01/2024 là 8.212.651.647 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Total
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
01/01/2024	63.636.364	580.827.115	195.992.522	840.456.001
31/12/2024	63.636.364	580.827.115	195.992.522	840.456.001
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
01/01/2024	(19.751.219)	(580.827.115)	(195.992.522)	(796.570.856)
- Khấu hao trong năm	(1.275.120)	-	-	(1.275.120)
31/12/2024	(21.026.339)	(580.827.115)	(195.992.522)	(797.845.976)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
01/01/2024	43.885.145	-	-	43.885.145
31/12/2024	42.610.025	-	-	42.610.025

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 796.570.856 đồng, tại ngày 01/01/2024 là 776.819.637 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	01/01/2024	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ	19.031.531.639	3.372.445.000	-	22.403.976.639
- Quyền sử dụng đất	3.811.392.900	-	-	3.811.392.900
- Nhà	13.156.179.820	-	-	13.156.179.820
- Cơ sở hạ tầng	2.063.958.919	3.372.445.000	-	5.436.403.919
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	(12.696.093.286)	(531.785.046)	-	(13.227.878.332)
- Quyền sử dụng đất	(2.051.754.776)	(58.817.988)	-	(2.110.572.764)
- Nhà	(8.580.379.591)	(175.992.324)	-	(8.756.371.915)
- Cơ sở hạ tầng	(2.063.958.919)	(296.974.734)	-	(2.360.933.653)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	6.335.438.353	2.840.659.954	-	9.176.098.307
- Quyền sử dụng đất	1.759.638.124	(58.817.988)	-	1.700.820.136
- Nhà	4.575.800.229	(175.992.324)	-	4.399.807.905
- Cơ sở hạ tầng	-	3.075.470.266	-	3.075.470.266

Nguyên giá của bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2024 bao gồm các bất động sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn cho thuê với giá trị là 2.364.817.110 đồng (tại ngày 01/01/2024: 2.364.817.110 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	102.204.400	102.204.400	178.757.582	178.757.582
- Công ty TNHH Tín Dững	100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000
- Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Tân Thành Hưng	-	-	71.111.260	71.111.260
- Đối tượng khác	2.204.400	2.204.400	7.646.322	7.646.322
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	102.204.400	102.204.400	178.757.582	178.757.582

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/khấu trừ trong năm	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	527.136.149	996.551.416	1.350.919.984	172.767.581
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	413.145.455	423.526.607	836.672.062	-
- Thuế thu nhập cá nhân	43.314.250	434.905.331	450.112.081	28.107.500
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	71.271.566	4.841.484.465	4.841.484.465	71.271.566
- Thuế bảo vệ môi trường	-	7.000.000	7.000.000	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	152.906.616	152.906.616	-
Cộng	1.054.867.420	6.856.374.435	7.639.095.208	272.146.647
	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/khấu trừ trong năm	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	219.186.635	219.186.635
Cộng	-	-	219.186.635	219.186.635

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	294.042.337	672.042.337
- Trích trước chi phí khuyến mại tổ chức du lịch Hồng Kông - Thâm Quyển - Quảng Châu theo giấy phép số 018/2017KD ngày 23/03/2017	294.042.337	294.042.337
- Các khoản trích trước khác	-	378.000.000
b) Dài hạn	-	3.497.356.796
- Truy thu tiền thuê đất tại nhà máy Biên Hòa	-	3.497.356.796
Cộng	294.042.337	4.169.399.133

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	653.117.500	3.704.407.500
- Cổ tức phải trả	565.566.000	3.616.856.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	87.551.500	87.551.500
b) Dài hạn	5.473.260.000	3.657.660.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	5.473.260.000	3.657.660.000
<i>Trong đó:</i>		
+ Công ty TNHH Thương mại Thời trang Hải Đăng	330.000.000	330.000.000
+ Công ty TNHH Quyết Thành	75.000.000	75.000.000
+ Công ty Cổ phần TĐ Lục Thành	55.440.000	55.440.000
+ Công ty TNHH Kho vận Mê Kông	88.266.000	88.266.000
+ Công ty TNHH Hoàng Phúc Quốc Tế	1.654.554.000	1.654.554.000
+ Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa Khoa Quốc tế Hạnh Phúc	-	1.184.400.000
+ Công ty Cổ phần Bệnh viện Phụ sản Diamond 97	3.000.000.000	-
+ Công ty TNHH Rechic	270.000.000	270.000.000
Cộng	6.126.377.500	7.362.067.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
01/01/2023	60.000.000.000	52.195.500	4.602.685.691	64.654.881.191
- Lãi trong năm trước	-	-	6.539.379.877	6.539.379.877
- Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(720.000.000)	(720.000.000)
- Trích thưởng người quản lý, người điều hành	-	-	(100.000.000)	(100.000.000)
- Chia cổ tức năm 2022	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
- Chia cổ tức năm 2023	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
31/12/2023	60.000.000.000	52.195.500	4.322.065.568	64.374.261.068
01/01/2024	60.000.000.000	52.195.500	4.322.065.568	64.374.261.068
- Lãi trong năm nay	-	-	2.545.581.084	2.545.581.084
- Chia cổ tức năm 2023 (1)	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (2)	-	-	(650.000.000)	(650.000.000)
- Trích thưởng người quản lý, người điều hành (2)	-	-	(100.000.000)	(100.000.000)
31/12/2024	60.000.000.000	52.195.500	3.117.646.652	63.169.842.152

(1) Chi tạm ứng cổ tức 5% đợt 2 năm 2023 (Theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐQT ngày 25/04/2024)

(2) Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2023 (Theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2024).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

19.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Vốn góp của Tổng Công ty Cổ phần Điện tử Tin học Việt Nam (51%)	30.600.000.000	30.600.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác (49%)	29.400.000.000	29.400.000.000
Cộng	60.000.000.000	60.000.000.000

19.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	60.000.000.000	60.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	60.000.000.000	60.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3.000.000.000	6.000.000.000

19.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2024	01/01/2024
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.000.000	6.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>6.000.000</i>	<i>6.000.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.000.000	6.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>6.000.000</i>	<i>6.000.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2024	01/01/2024
Ngoại tệ các loại:		
Dollar Mỹ (USD)	3.015	3.015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Doanh thu bán hàng	73.322.643	52.734.361
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.095.727.061	22.994.256.333
Cộng	12.169.049.704	23.046.990.694

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Giá vốn hàng hóa đã bán	69.164.311	34.138.331
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.580.126.889	6.647.037.480
- Các khoản chi phí vượt mức bình thường khác được tính trực tiếp vào giá vốn	762.393.456	1.455.060.659
Cộng	4.411.684.656	8.136.236.470

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.483.671.519	3.777.887.450
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	3.737.100	1.932.600
Cộng	2.487.408.619	3.779.820.050

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	9.835.580.058	9.492.978.003
- Chi phí nhân công	4.596.034.203	4.625.625.140
- Chi phí công cụ dụng cụ	91.307.485	95.299.733
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	447.355.854	102.698.004
- Chi phí dự phòng	131.000.000	61.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.029.356.874	748.513.510
- Chi phí bằng tiền khác	3.540.525.642	3.859.841.616
b) Các khoản chi phí bán hàng	717.142.095	946.777.153
- Chi phí nhân công	581.450.860	833.938.486
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.600.272	11.911.272
- Chi phí bằng tiền khác	128.090.963	100.927.395
Cộng	10.552.722.153	10.439.755.156

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Tiền bồi thường thu được	3.181.818.181	-
- Các khoản khác	88.772.782	300
Cộng	3.270.590.963	300

26. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Chi nộp phạt	212.721.421	10.462.177
Cộng	212.721.421	10.462.177

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Chi phí nguyên vật liệu	69.164.311	34.138.331
- Chi phí nhân công	5.683.015.233	7.020.899.426
- Khấu hao tài sản cố định	873.995.518	866.133.276
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.556.548.596	787.652.053
- Chi phí dự phòng	131.000.000	111.000.000
- Chi phí bằng tiền khác	7.158.303.965	9.806.168.540
Cộng	15.472.027.623	18.625.991.626

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.749.921.056	8.240.357.241
Các khoản chi phí không được khấu trừ	310.721.421	266.462.177
- Chi phí khác	214.721.421	17.462.177
- Thù lao HĐQT	96.000.000	249.000.000
Các khoản thu nhập không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	3.501.093.896	1.932.600
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	3.737.100	1.932.600
- Hoàn chi phí đã tính thuế	3.497.356.796	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	(440.451.419)	8.504.886.818
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	-	1.700.977.364
Thuế TNDN truy thu	204.339.972	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	204.339.972	1.700.977.364

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	2.545.581.084	6.539.379.877
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	750.000.000
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.545.581.084	6.539.379.877
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	6.000.000	6.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	424	965

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2023 được điều chỉnh lại do việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ thưởng người quản lý điều hành năm 2023 đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐQT ngày 25 tháng 04 năm 2024 của Đại hội đồng cổ đông. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2023 được trình bày lại là 965 VND/Cổ phiếu (số đã trình bày năm trước là 1.090 VND/Cổ phiếu).

Công ty chưa có kế hoạch trích quỹ khen thưởng phúc lợi tương ứng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

30. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu pha loãng giá trị cổ phiếu do đó lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

31. THÔNG TIN KHÁC

31.1 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

31.2 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, Công ty có Giao dịch với các Bên liên quan bao gồm:

STT	Tên bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty Cổ phần Belco Hà Nội	Công ty liên kết
2	Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức	Chung Công ty mẹ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

31.2 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Mối quan hệ	Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
Ông Vũ Song Toàn	Chủ tịch HĐQT	36.000.000	101.000.000
Ông Lê Hữu Phước	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc	426.900.000	551.892.000
Ông Nguyễn Đình Cường	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	302.914.000	437.909.000
Ông Võ Văn Chung	Thành viên HĐQT	30.000.000	74.000.000
Ông Văn Việt Tuấn	Thành viên HĐQT	30.000.000	74.000.000
Ông Võ Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc	317.520.000	422.067.000
Cộng		1.143.334.000	1.660.868.000

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Trả trước cho người bán		
Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức	209.417.165	209.417.165
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		
Công ty Cổ phần Belco Hà Nội	1.178.000.000	1.178.000.000

31.3 CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Theo thông báo 732 của Tổng Công ty Sonadezi ngày 27/09/2017 về việc nộp tiền thuê đất bổ sung từ năm 2006 đến năm 2017 với tổng số tiền 3.497.356.796 đồng. Tuy nhiên, tới thời điểm lập báo cáo này, Tổng Công ty Sonadezi chưa xuất hóa đơn phần nộp bổ sung này, Công ty và Tổng Công ty Sonadezi đang đàm phán lại mức nộp.

Theo Bản án số 46/2021/KDTM-ST ngày 02/07/2021, tòa án Nhân dân quận Đống Đa quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa, theo đó, Công ty TNHH CKK Việt Nam phải trả cho Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa số tiền là 589.539.138 đồng, trong đó Nợ gốc: 442.790.577 đồng và Nợ lãi là 146.478.561 đồng. Hiện tại, đang trong thời gian thi hành án.

31.4 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa đã được kiểm toán.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

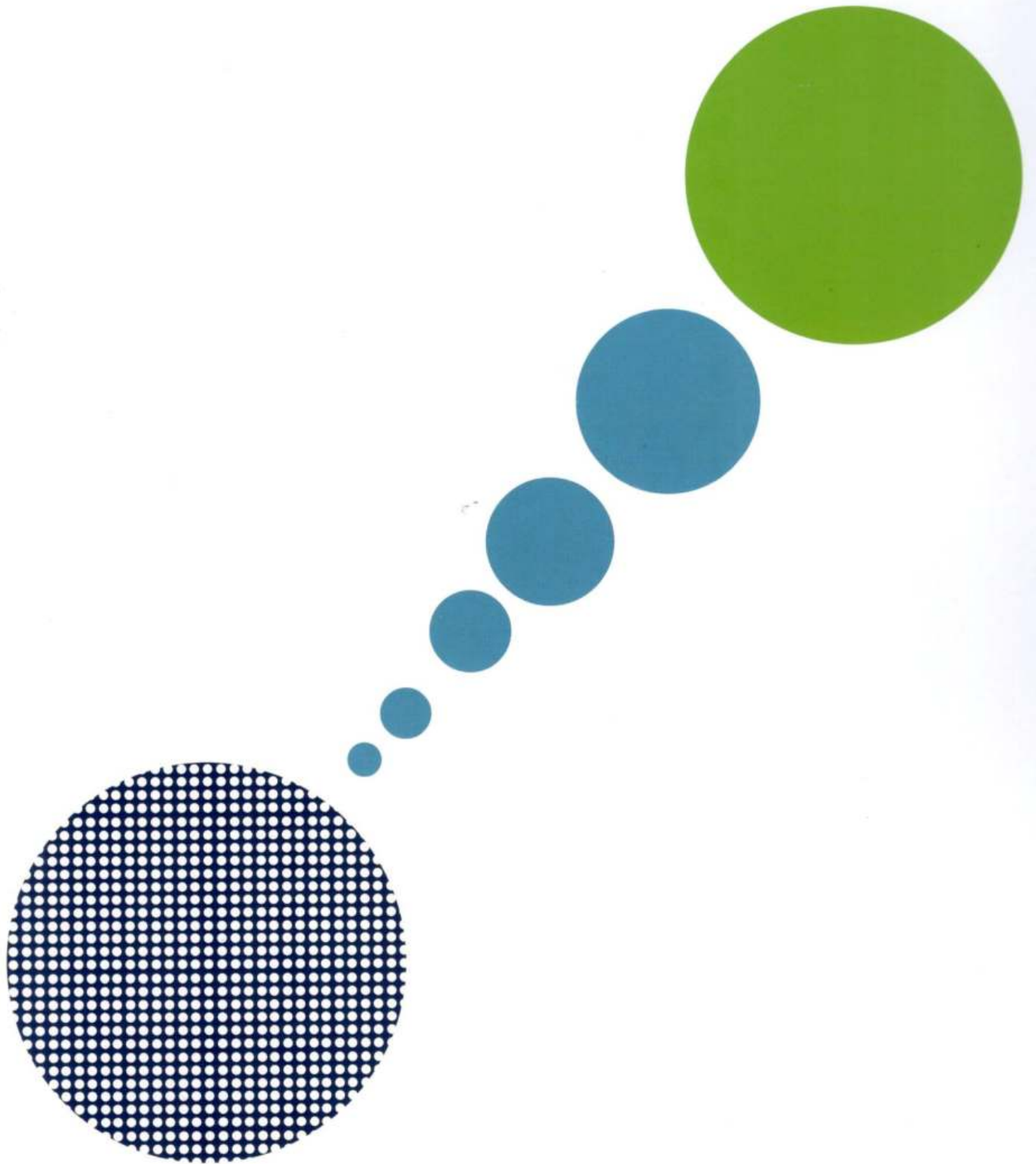
Lâm Thị Hồng Loan

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Vi Minh

Tổng Giám đốc

Lê Hữu Phước



UHY Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY

www.uhy.vn

